

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/HS-ST

Ngày: 26/8/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn Nghi

Bà Phùng Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Vũ H, tên gọi khác: không có, sinh năm: 2002; tại phường N, tỉnh Ninh Bình; CCCD số: 0362020066xx cấp ngày 31/12/2021; nơi cư trú: Ngách C, ngõ C, đường A, tổ dân phố T nay là tổ dân phố T, phường N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; là Đảng viên Đ, sinh hoạt tại chi bộ 5, Đảng bộ bộ phận Bệnh viện Đ1, thuộc Đảng bộ Sở y tế tỉnh N. Quyết định số 32-QĐ/UBND TĐU ngày 27/5/2026 của Ủy ban kiểm tra - Đảng ủy UBND tỉnh N đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 27/5/2026; con ông: Trần Huy K và bà Đoàn Thị Thùy D; Vợ: Trần Thị Thu H1 sinh năm 2002; Con: Có 01 con, sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/5/2026 đến ngày 12/5/2026. Hiện đang bị áp dụng "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 12/5/2026 đến nay. Có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: anh Phạm Quốc C, sinh năm 2004, địa chỉ: thôn T, xã P, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị Hoàng Thị L, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ dân phố H, phường T, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

- Người làm chứng: chị Trần Thị Thu H1. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 03/5/2026, Trần Vũ H điều khiển xe mô tô BKS 18AA-200.10 từ nhà đến Siêu thị G thuộc tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố B), phường Đ, tỉnh Ninh Bình với mục đích tìm khách thuê chạy xe ôm. Khi đến siêu thị, H điều khiển xe vào hầm gửi xe thì phát hiện thấy nhiều xe sử dụng khóa điện tử thông minh nhưng không vặn hết khóa nên vẫn có thể mở được cốp xe nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H đi đến mở cốp của một số xe thì phát hiện xe mô tô BKS 35K1 - 597.57 của anh Phạm Quốc C, sinh năm 2004, trú tại xóm F K (nay là thôn T), xã P, tỉnh Ninh Bình bên trong cốp có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 15 Pro, màu đen cùng một số đồ dùng cá nhân nhưng H không lấy mà đóng cốp lại rồi đi vào siêu thị ăn trưa. Sau đó H quay lại xe của anh C, mở cốp xe rồi lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên trái sau đó quay lại siêu thị, ngồi ở ghế chờ. Tại đây H lấy điện thoại, bật nguồn kiểm tra sau đó R lại máy nhưng không được nên quay ra để điện thoại vào trong cốp xe của mình rồi điều khiển xe đi về nhà. Sau khi bị mất điện thoại, ngày 04/5/2026, anh C đã có đơn trình báo sự việc trên đến Công an phường Đ.

Quá trình điều tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N đã triệu tập Trần Vũ H nên làm việc. Đến ngày 05/5/2026, H đến đầu thú, tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại đã trộm cắp và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: Thu của Trần Vũ H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 15 Pro và xe mô tô BKS 18AA-200.10; 02 tệp tin video thu giữ ghi nhận nội dung vụ việc.

Tại kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 11/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường Đ, tỉnh Ninh Bình kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 15 Pro, màu đen có trị giá 7.930.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 2819/KL-KTHS ngày 18/6/2026 của Phòng K1 - Công an tỉnh N kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 tệp tin video gửi giám định.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 15 Pro là của anh Phạm Quốc C; xe mô tô BKS 18AA-200.10 là tài sản của chị Hoàng Thị L sinh năm 1982 trú tại Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Ninh Bình (vợ của chú ruột H). Ngày 03/5/2026, chị L cho H mượn xe nhưng không biết H sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh N đã trả lại điện thoại cho anh C và xe cho chị L. Cả hai đã nhận và không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Đối với 02 tệp tin video được niêm phong trong 01 túi niêm phong ký hiệu PS3 kèm theo hồ sơ vụ án

Về trách nhiệm dân sự: anh Phạm Quốc C đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu hay đề nghị gì về vấn đề dân sự.

Quá trình điều tra, Trần Vũ H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội

Tại bản cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 30 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Vũ Hùng về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Vũ H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Vũ H từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Vũ H cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án Hình sự 2025.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình đã truy tố và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 11/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự (BL77 -78) và các tang vật, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: vào hồi 11 giờ 45 phút ngày 03/5/2026, tại Siêu thị G thuộc tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Bị cáo H đã có hành vi lợi dụng sơ hở của anh Phạm Quốc C trong việc trông coi, quản lý tài sản đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 15 Pro, màu đen có trị giá 7.930.000 đồng

[2] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 15 Pro của anh Phạm Quốc C là trái phép và cố ý. Xâm phạm quyền sở hữu tài sản của anh Phạm Quốc C được pháp luật bảo vệ. Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 7.930.000đ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Vũ H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã ra đầu thú và tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại cho cơ quan Điều tra để trả lại cho người bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là không đúng trong việc áp dụng pháp luật và không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo.

- Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa lần nào vi phạm pháp luật

[4] Về hình phạt: xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện trả lại tài sản cho bị hại, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ vào các điều kiện được hưởng án treo thì cần áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[5] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 15 Pro là tài sản hợp pháp của anh Phạm Quốc C, cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh N đã trả lại cho anh Phạm Quốc C là đúng quy định của pháp luật

Đối với chiếc xe mô tô BKS 18AA-200.10 là tài sản của chị Hoàng Thị L sinh năm 1982 trú tại Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Ninh Bình (vợ của chú ruột H). Ngày 03/5/2026, chị L cho H mượn xe nhưng không biết H sử dụng để đi trộm cắp tài sản.

Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh N đã trả lại xe cho chị L là đúng quy định của pháp luật

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Vũ H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Vũ H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án 26/8/2026.

Giao bị cáo Trần Vũ H cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án Hình sự 2025.

2. Về án phí: bị cáo Trần Vũ H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/8/2026. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TÂM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Bích Hồng